

ĐỀ SỐ 1

I. Trắc nghiệm: (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: (1 điểm) Phân số nào dưới đây lớn hơn $\frac{1}{2}$?

- A. $\frac{3}{6}$ B. $\frac{3}{8}$ C. $\frac{6}{11}$ D. $\frac{2}{5}$

Câu 2: (1 điểm) Trong dãy số: 31,146; 41,147; 51,148; 61,149;

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của dãy số là:

- A. 71,160 B. 61,160 C. 51,150 D. 71,150

Câu 3: (1 điểm) Một hình hộp chữ nhật có thể tích là 270 cm^3 ; chiều dài 6 cm; chiều cao 9 cm. Chiều rộng của hình hộp chữ nhật đó là:

- A. 5 cm B. 9 cm C. 15 cm D. 30 cm

II. Tự luận: (7 điểm)

Bài 1: Đặt tính rồi tính (2 điểm)

a) $889972 + 96308$

b) $7,284 - 5,596$

.....

.....

c) 4802×324

d) $75,95 : 3,5$

.....

.....

Bài 2: Tìm x: (1 điểm)

a) $x + 5,84 = 9,16$

b) $x - 0,35 = 2,55$

.....

.....

Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện nhất: (1 điểm)

a) $0,5 \times 9,6 \times 2$

b) $7,9 \times 8,3 + 7,9 \times 1,7$

.....

.....

Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm)

a) $0,5 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{cm}$

b) $0,08 \text{ tấn} = \dots\dots\dots \text{kg}$

c) $7,268 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

d) $3 \text{ phút } 40 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{giây}$

Bài 5: (2 điểm) Một ô tô đi trong 0,75 giờ với vận tốc 60 km/ giờ. Tính quãng đường đi được của ô tô.

Bài giải:

.....

ĐÁP ÁN BÀI KT TOÁN

I. Trắc nghiệm: (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: C

Câu 2: D

Câu 3: A

II. Tự luận: (7 điểm)

Bài 1: Đặt tính rồi tính (2 điểm)

Mỗi phép tính đúng ghi 0,5 điểm

Bài 2: Tìm x: (1 điểm) Mỗi phép tính đúng ghi 0,5 điểm

Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện nhất: (1 điểm)

Mỗi phép tính đúng ghi 0,5 điểm

Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm)

Viết đúng số mỗi chỗ chấm ghi 0,25 điểm

Bài 5: (2 điểm) - Câu lời giải đúng ghi 0,5 điểm

- Phép tính đúng ghi 1 điểm

- Đáp số đúng ghi 0,5 điểm

ĐỀ SỐ 2

I. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng: (Mỗi câu trả lời đúng cho 0.5 điểm)

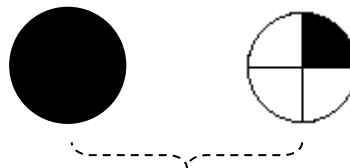
Câu 1 Hỗn số chỉ phần tô màu là:

A. $1\frac{3}{4}$

B. $1\frac{1}{4}$

C. $1\frac{4}{3}$

D. $1\frac{2}{4}$



Câu 2: Tám đơn vị, sáu phần mười, năm phần trăm viết được số thập phân là:

A. 8,56

B. 86,5

C. 865

D. 8,65

Câu 3: Tỷ số phần trăm của hai số 2,8 và 80 là :

A. 2,8%

B. 50%

C. 3,5 %

D. 35 %

Câu 4: 1 tấn 8 kg = tấn. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. 1,008

B. 1,08

C. 1,8

D. 1,0008

Câu 5: Dấu (> ; < ; =) điền vào chỗ chấm của: $8\text{ m}^2\ 50\text{ dm}^2$. . . $8,05\text{ m}^2$ là:

A. <

B. >

C. =

Câu 6: Một người đi xe máy trong 3 giờ được 105 km. Vận tốc của người đi xe máy là:

A. 35 km

B. 3,5 km/giờ

C. 35 giờ

D. 35 km/giờ

II. Tự luận

Lời nhận xét của giáo viên:

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. Khoanh tròn vào các chữ cái đúng: (3 điểm) *Mỗi ý đúng cho 0.5 điểm.*

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
B	D	C	A	B	D

II. Tự luận

Câu 1: (Học sinh đặt tính và tính đúng – Mỗi phép tính cho 1 điểm)

a)
$$\begin{array}{r} 678 \\ + 12,47 \\ \hline 690,47 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 154,2 \\ - 14,47 \\ \hline 139,73 \end{array}$$

c)
$$\begin{array}{r} 24,6 \\ 3,4 \\ \hline 984 \\ 738 \\ \hline 83,64 \end{array}$$

d)
$$\begin{array}{r|l} 24,36 & 12 \\ 03 & \hline 36 & 2,03 \\ 0 & \end{array}$$

Câu 2: (3 điểm) – Mỗi phép tính cho điểm

<u>Tóm tắt</u>	<u>Giải</u>	<u>Điểm</u>
Thùng hình HCN không có nắp:	Chu vi mặt đáy là:	0.25
Chiều dài: 80cm	$(80 + 60) \times 2 = 2800(\text{cm})$	0.25
Chiều rộng: 60cm	Diện tích xung quanh là:	0.25
Chiều cao: 50cm	$2800 \times 50 = 140\,000 (\text{cm}^2)$	0.5
Tính diện tích tôn cần dùng?	Diện tích mặt đáy là:	0.25
	$80 \times 60 = 4800 (\text{cm}^2)$	0.5
	Diện tích tôn cần dùng là:	0.25

$$140\,000 + 4\,800 = 144\,800 \text{ (cm}^2\text{)}$$

0.5

Đáp số: 144 800 cm²

0.25

(Học sinh có cách giải đúng khác vẫn cho điểm tối đa)

ĐỀ SỐ 3

1. **Điền dấu (< ; > ; =) thích hợp vào ô trống:** (1 điểm)

2,4 giờ □ 2 giờ 4 phút

$\frac{3}{4}$ giờ □ 0,7 giờ

1,5 giờ □ 90 phút

135 giây □ 2 phút 30 giây.

2. **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:** (2 điểm)

a/ Chữ số 6 trong số 427, 065 có giá trị là:

A. 6

B. $\frac{6}{10}$

C. $\frac{6}{100}$

D. $\frac{6}{1000}$

b/ Phân số $\frac{3}{4}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,34

B. 0,75

C. 7,5

D. 3,4

c / Một lớp học có 12 nam và 18 nữ. Tỷ số phần trăm của số học sinh nữ và số học sinh cả lớp là:

A. 60 %

B. 50%

C. 40 %

D. 30%

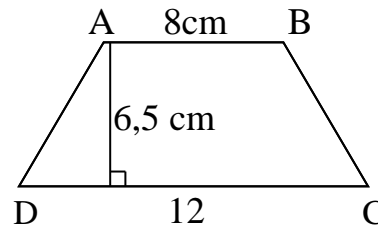
d / Diện tích hình thang ABCD là:

A. 65 cm

B. 65 cm²

C. 130 cm²

D. 130 cm



3. **Viết số thập phân vào chỗ chấm:** (1 điểm)

a. 9 km 62m =km
.....m²

b. 42 m² 5 dm² =

c. 45 kg 248 g =kg

d . 87 dm³ =m³

4. **Đặt tính rồi tính:** (2 điểm)

a. 926,8 + 49, 67

b. 7,384 - 5,59

c. 45,07 × 3,8

d. 912,8 : 2,8

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN MÔN TOÁN

Câu 1: (1 điểm) Mỗi ý đúng được 0,25 điểm. Kết quả là:

$$2,4 \text{ giờ} > 2 \text{ giờ } 4 \text{ phút} \qquad \frac{3}{4} \text{ giờ} > 0,7 \text{ giờ}$$

$$1,5 \text{ giờ} = 90 \text{ phút} \qquad 135 \text{ giây} < 2 \text{ phút } 30 \text{ giây.}$$

Câu 2. (2 điểm) Khoanh đúng mỗi ý được 0,5 điểm; kết quả là:

a/ C b/ B c/ A d/ B

Câu 3: (1 điểm) Điền đúng mỗi ý được 0,25 điểm, kết quả như sau:

$$\mathbf{a.} \quad 9 \text{ km } 62\text{m} = 9,062 \text{ km} \qquad \mathbf{b.} \quad 42 \text{ m}^2 \text{ } 5\text{dm}^2 = 42,05 \text{ m}^2$$

$$\mathbf{c.} \quad 45 \text{ kg } 248 \text{ g} = 45,248 \text{ kg} \qquad \mathbf{d.} \quad 87 \text{ dm}^3 = 0,087 \text{ m}^3$$

Câu 4. (2 điểm) Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm. Kết quả là:

a. 976,47 b. 1,794 c. 171,266 d. 316

Câu 5. (2 điểm)

Bài giải

Thời gian ô tô đi từ tỉnh A đến tỉnh B là:

$$11 \text{ giờ } 15 \text{ phút} - 7 \text{ giờ} = 4 \text{ giờ } 15 \text{ phút} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Thời gian ô tô chạy trên cả quãng đường:

$$4 \text{ giờ } 15 \text{ phút} - 15 = 4 \text{ giờ} \quad (0,75 \text{ điểm})$$

Độ dài quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B là:

$$52 \times 4 = 208 \text{ (km)} \quad (0,75 \text{ điểm})$$

Đáp số: 208 km (0,25 điểm)

Câu 6:

May một bộ quần áo cần số mét vải

$$45\text{m} : 12 = 3.75 \text{ (m) (0.75 điểm)}$$

Để may 38 bộ quần áo như thế cần số mét vải là:

$$3.75 \times 38 = 142.5 \text{ (m) (1 điểm)}$$

Đáp số: 142.5 mét (0.25 điểm)